

CÔNG TY CỔ PHẦN 226 HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 226 HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI 226 JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HN 226.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107074396

3. Ngày thành lập: 30/10/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 60, ngõ 133, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933295124

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc ; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt - Sản xuất túi đựng nữ trang ; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp ; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được ; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít ; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện ; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải - Sản xuất đinh hoặc ghim ; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự ; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự ; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo ; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng ; - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại ; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
3.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410(Chính)
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Đúc sắt, thép	2431
7.	Đúc kim loại màu	2432
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
10.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Khai thác gỗ	0221

18.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
19.	Khai thác thủy sản biển	0311
20.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
21.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
22.	Sản xuất giống thủy sản	0323
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
25.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
26.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
27.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
28.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
29.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
30.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
31.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
32.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
33.	Sao chép bản ghi các loại	1820
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
36.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Dịch vụ bốc xếp hàng hóa	5224
37.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
38.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim	4663

41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);	4669
42.	Bán buôn tổng hợp	4690
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
47.	Lập trình máy vi tính	6201
48.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

49.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
52.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
53.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
54.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
59.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
60.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
61.	Thu gom rác thải độc hại	3812
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
67.	Xây dựng công trình công ích	4220
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng kỹ thuật	4290
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - San lấp mặt bằng công trình	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Lắp điện công trình	4321
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp nước công trình	4322
73.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
75.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

76.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4513
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
78.	Bán mô tô, xe máy	4541
79.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
81.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý, môi giới thương mại (trừ môi giới giới chứng khoán, bất động sản, thuế, kiểm toán và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
82.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
83.	Bán buôn gạo	4631
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
86.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
87.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659

90.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
91.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Dịch vụ vận tải hàng hóa	4933
92.	Dịch vụ đóng gói	8292
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
94.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
95.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ trang trí nội ngoại thất công trình	7410
97.	Cho thuê xe có động cơ	7710
98.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
100.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7820
101.	Đại lý du lịch	7911
102.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Dịch vụ du lịch	7912
103.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
104.	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 3.900.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Số 78, tổ 4, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	156.000	1.560.000.000	40	019178000043	
			Tổng số	156.000	1.560.000.000	40		
2	NGHIÊM QUỐC TRUNG	Số 78, tổ 4, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.000	1.170.000.000	30	001070001581	
			Tổng số	117.000	1.170.000.000	30		
3	NGHIÊM HƯƠNG LY	Số 78, tổ 4, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.000	1.170.000.000	30	013490368	
			Tổng số	117.000	1.170.000.000	30		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019178000043

Ngày cấp: 25/07/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 78, tổ 4, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 78, tổ 4, phố Thái Hà , Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội